

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG TIỂU HỌC XUÂN SON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	18/18	1,72 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	18	1,72 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	01	Mẽ Sơn
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	9.955,8	19,3 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2500	4,85 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	900	
1	Diện tích phòng học (m ²)	50	1,72 m ² /học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	50	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	50	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	50	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	18	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	18	18 bộ/18 lớp
1.1	Khối lớp 1	3	3 bộ/3 lớp
1.2	Khối lớp 2	4	4 bộ/4 lớp

1.3	Khối lớp 3	3	3 bộ/3 lớp
1.4	Khối lớp 4	4	4 bộ/4 lớp
1.5	Khối lớp 5	4	4 bộ/34 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	26	02 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	18	01 ti vi/lớp
2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/dầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	02	
5	Thiết bị khác...	03	
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	50
XI	Nhà ăn	180

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0,5 m ² /hs

2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0		0	
			Có		Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		Có			
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		Có			
XVII	Kết nối internet		Có			
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		Có			
XIX	Tường rào xây		Có			

Xuân Sơn, ngày 05 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Trần Thị Kim Liên